TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 50, đường N, tổ 02, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Phương L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 50, đường N, tổ 02, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Hiện chị L đang thi hành án tại Đội 6, Trung tâm xúc tiến việc làm – Trại giam Hoàng Tiến, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Minh Đ trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

1. Về hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/5/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó do bất đồng quan điểm sống trong gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận nên tháng 02/2011, chị L đã bỏ nhà đi Quảng Ninh làm ăn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 1 năm 2017, chị L bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đang thi hành án tại Đội 6, Trung tâm xúc tiến việc làm – Trại giam Hoàng Tiến, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Phương L.

2. Về con chung: Anh Đ và chị L có một con chung là cháu Trương Minh A, sinh ngày 22/11/2008. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Minh A và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Anh Đ khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ đã gửi cho Tòa án, chị Nguyễn Phương L trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Đ như sau:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, thủ tục, điều kiện đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, chị L trình bày phù hợp với lời khai của anh Đ. Chị L đã bỏ nhà đi từ năm 2012, không nói cho anh Đ biết đi đâu, làm gì. Đến tháng 3 năm 2016, chị L bị bắt về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù. Chị L cũng xác định, vợ chồng chị không còn tình cảm với nhau nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị L xác định, chị và anh Đ có một con chung như anh Đ trình bày là đúng. Chị L đồng ý giao con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, chị L đồng ý.

3. Về tài sản: Chị L khai vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử ly hôn giữa anh Trương Minh Đ và chị Nguyễn Phương L. Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị xử giao cho anh Trương Minh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Minh A, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản: anh Đ, chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Áp dụng Điều 25, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án được đưa ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Bị đơn là chị Nguyễn Phương L có đơn xin xử vắng mặt với lý do chính đáng nên được chấp nhận.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, từ năm 2012 cho đến nay, anh Đ và chị L đã sống ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống làm cho vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Chị L đã bỏ nhà đi và có hành vi phạm tội nên bị Tòa án xử phạt mức án 07 năm tù. Anh Đ và chị L đều

xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn, chị L đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ nên xử cho anh Đ được ly hôn với chị L

[3] Về con chung: Con chung của anh Đ và chị L là cháu Trương Minh A có nguyện vọng được ở với anh Đ, đồng thời chị L cũng đồng ý giao con cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Đ. Anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Đ và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 146, 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

I. Về hôn nhân: Xử cho anh Trương Minh Đ được ly hôn chị Nguyễn Phương L.

II. Về con chung: Xử giao cháu Trương Minh A, sinh ngày 22/11/2008 cho anh Trương Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Đ và chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

III. Về tài sản: Anh Trương Minh Đ và chị Nguyễn Phương L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

IV. Về án phí: Anh Trương Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007015 ngày 11 tháng 5 năm 2018 sang thi hành án phí.

V. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Minh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/07/2018), chị Nguyễn Phương L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *UBND phường T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà